

THÔNG TƯ

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp Căn cước công dân

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật căn cước công dân ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp Căn cước công dân.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp Căn cước công dân.

2. Thông tư này áp dụng đối với người nộp, tổ chức thu lệ phí cấp Căn cước công dân và tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp và quản lý lệ phí cấp Căn cước công dân.

Điều 2. Người nộp lệ phí

Công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên khi làm thủ tục đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân phải nộp lệ phí thẻ căn cước công dân theo quy định tại Thông tư này

Điều 3. Tổ chức thu lệ phí

Tổ chức thu lệ phí cấp Căn cước công dân bao gồm:

1. Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội (Bộ Công an);
2. Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
3. Công an quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đơn vị hành chính tương đương.

Điều 4. Mức thu lệ phí

1. Công dân chuyển từ Chứng minh nhân dân 9 số, Chứng minh nhân dân 12 số sang cấp thẻ Căn cước công dân: 30.000 đồng/thẻ Căn cước công dân.
2. Đổi thẻ Căn cước công dân khi bị hư hỏng không sử dụng được; thay đổi thông tin về họ, chữ đệm, tên; đặc điểm nhân dạng; xác định lại giới tính, quê quán; có sai sót về thông tin trên thẻ; khi công dân có yêu cầu: 50.000 đồng/thẻ Căn cước công dân.
3. Cấp lại thẻ Căn cước công dân khi bị mất thẻ Căn cước công dân, được trở lại quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật quốc tịch Việt Nam: 70.000 đồng/thẻ Căn cước công dân.

Điều 5. Các trường hợp miễn, không phải nộp lệ phí

1. Các trường hợp miễn lệ phí
 - a) Đổi thẻ căn cước công dân khi Nhà nước quy định thay đổi địa giới hành chính;
 - b) Đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân cho công dân là bố, mẹ, vợ, chồng, con dưới 18 tuổi của liệt sỹ; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; con dưới 18 tuổi của thương binh và người hưởng chính sách như thương binh; bệnh binh; công dân thường trú tại các xã biên giới; công dân thường trú tại các huyện đảo; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; công dân thuộc hộ nghèo theo quy định của pháp luật;
 - c) Đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân cho công dân dưới 18 tuổi, mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa.
2. Các trường hợp không phải nộp lệ phí
 - a) Công dân từ đủ 14 tuổi trở lên làm thủ tục cấp thẻ căn cước công dân lần đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 2 Điều 32 Luật căn cước công dân;
 - b) Đổi thẻ căn cước công dân theo quy định tại Điều 21 và điểm a khoản 3 Điều 32 Luật căn cước công dân;
 - c) Đổi thẻ căn cước công dân khi có sai sót về thông tin trên thẻ căn cước công dân do lỗi của cơ quan quản lý căn cước công dân.